TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **TP. HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **196**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2021
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

2. Ông Trần Văn Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 789/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/07/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Kim Thị Đa V,** sinh năm: 2000; Địa chỉ: Ấp Thanh Trì B, xã Đ, huyện C, tỉnh T. (Chị V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Ngọc T,** sinh năm: 1991; Địa chỉ: E12/334 ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố H. (Anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 03/07/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn chị Kim Thị Đa V trình bày:

Chị và anh Hoàng Ngọc T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2018, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T vào ngày 13/11/2018. Thời gian đầu anh chị chung sống cũng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường hay cãi vã nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, đá gà và có lời lẽ xúc phạm đến chị và gia đình chị. Chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2020

cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung, chị và anh T chung sống có một con chung tên Hoàng Kim N, sinh ngày 31/12/2019. Hiện con đang ở với chị, vì vậy khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về T sản chung, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh Hoàng Ngọc T gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Hoàng Ngọc T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn chị Kim Thị Đa V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Hoàng Ngọc T. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *"Đương sự Hoàng Ngọc T, sinh năm 1991 có hộ khẩu thường trú và thực tế cư ngụ tại địa chỉ E12/334 ấp 5, xã P, huyện B"*. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Nguyên đơn chị Kim Thị Đa V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn anh Hoàng Ngọc T, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Hoàng Ngọc T nhưng anh T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 134/2018 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T cấp ngày 13/11/2018 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V xác định giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân thì không nắm được mâu thuẫn giữa chị V và anh T. Tuy nhiên, việc chị V và anh T mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân là có diễn ra. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa chị V và anh T đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị V yêu cầu ly hôn đối với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Chị V xác nhận giữa chị và anh T có một con chung tên Hoàng Kim N, sinh ngày 31/12/2019. Hiện trẻ đang sống với chị V nên chị V có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

[7.1] Về quyền nuôi con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần cho con sau khi ly hôn theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Ngọc cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng.

[7.2] Về cấp dưỡng, chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị, còn anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến về vấn đề con chung giữa anh và chị V nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu này theo ý kiến của chị V, Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[8] Về T sản chung: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về T sản chung giữa anh và chị V. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề T sản chung theo yêu cầu của

chị V, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về nợ chung giữa anh và chị V. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của chị V, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Kim Thị Đa V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị Đa V đối với bị đơn anh Hoàng Ngọc T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Chị Kim Thị Đa V được ly hôn với anh Hoàng Ngọc T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Kim Thị Đa V và anh Hoàng Ngọc T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 134/2018 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T cấp ngày 13/11/2018 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Kim N, sinh ngày 31/12/2019 cho chị Kim Thị Đa V tiếp tục nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hoàng Ngọc T.

Anh Hoàng Ngọc T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về T sản chung: Chị Kim Thị Đa V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Chị Kim Thị Đa V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Kim Thị Đa V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị V đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0079783 ngày 15/07/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị V đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Đ, huyện C,
tỉnh T (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Trần Thị Hồng Cẩm

2 000002 124207